

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2019

Tình hình Dịch tả lợn Châu Phi trong tháng vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại và tiếp tục lây lan, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp. Thu ngân sách Nhà nước 10 tháng giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2018. Tình hình sản xuất công nghiệp tăng trưởng vẫn còn chậm, chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng so với cùng kỳ năm trước tăng 3,7% (tháng 10 tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước); vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tăng 29,5%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 12,7%. Kết quả cụ thể của các ngành, lĩnh vực như sau:

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Sản xuất nông nghiệp

1.1.1. Trồng trọt

Sản xuất nông nghiệp trong tháng chủ yếu tập trung thu hoạch lúa Mùa và các loại cây hàng năm khác. Tính đến 15/10, các địa phương cơ bản thu hoạch xong 42,7 nghìn ha lúa Mùa, năng suất đạt 48,5 tạ/ha, giảm 01 tạ/ha so với vụ Mùa năm 2018; nguyên nhân do ảnh hưởng của thời tiết nắng nóng kéo dài gây mất trắng trên 650 ha¹ ở các huyện trung du, miền núi; sản lượng chỉ đạt 207,1 nghìn tấn, giảm 8,8 nghìn tấn (-4,1%). Một số huyện có sản lượng thu hoạch giảm nhiều như: Núi Thành (-2.934 tấn); Tiên Phước (-1.292 tấn); Nông Sơn (-1.216 tấn); Thăng Bình (-1.015 tấn); Hiệp Đức (-970 tấn); Phước Sơn (-932 tấn).

Kết quả sản xuất hoa màu và một số cây hàng năm khác vụ Mùa 2019: sản lượng ngô đạt 30,2 nghìn tấn, giảm 03 nghìn tấn so với cùng vụ năm 2018 (diện tích gieo trồng giảm 285 ha, năng suất giảm 2,6 tạ/ha); khoai lang đạt 8,2 nghìn tấn, giảm 2,2 nghìn tấn (diện tích: -292 ha; năng suất: -1,1 tạ/ha); sắn đạt 58,7 nghìn tấn, tăng 5,2 nghìn tấn (diện tích: -42 ha; năng suất: +18 tạ/ha); lạc đạt 2,2 nghìn tấn, giảm 690 tấn (diện tích: -384 ha; năng suất: -0,4 tạ/ha); sản lượng rau các loại đạt 133,2 nghìn tấn, tăng 310 tấn (diện tích: -74 ha; năng suất: +3,4 tạ/ha); sản lượng đậu các loại đạt 5,6 nghìn tấn, giảm 230 tấn;...

Sản lượng lúa cả năm 2019 sơ bộ đạt 451,3 nghìn tấn, giảm gần 11,3 nghìn tấn (-2,4%) so với năm 2018 do cả diện tích và năng suất đều giảm so với năm trước. Diện tích lúa cả năm 2019 chỉ đạt 84,9 nghìn ha, giảm 1.275 ha (-1,5%); năng suất lúa cả năm đạt 53,1 tạ/ha, giảm 0,5 tạ/ha. Nếu tính thêm 53,2 nghìn tấn

¹ Phước Sơn 352 ha, Tiên Phước 123 ha, Hiệp Đức 119 ha, Đông Giang 64 ha, ...

ngô thì tổng sản lượng lương thực cây có hạt năm 2019 đạt 504,5 nghìn tấn, giảm 14,6 nghìn tấn (-2,8%) so với năm 2018.

Kết thúc năm 2019, cả tỉnh gieo trồng được 146,7 nghìn ha cây hàng năm, bằng 98,2% (-2,7 nghìn ha) so với năm 2018, trong đó: cây lương thực có hạt 96,6 nghìn ha, bằng 98,3% (-1,6 nghìn ha); cây chất bột có củ 13,6 nghìn ha (93,5%; -946 ha)²; cây có hạt chứa dầu 11,4 nghìn ha (94%; -700 ha); cây rau, đậu và các loại hoa 18,6 nghìn ha (101%; +162 ha); cây gia vị 1.149 ha (106%; +62 ha); cây được liệu, hương liệu 491 ha (128%; +106 ha).

1.1.2. Chăn nuôi

Tính đến tháng 10, tổng đàn trâu cả tỉnh ước đạt 63,5 nghìn con, giảm 0,9% (-600 con); đàn bò 170,5 nghìn con, tăng 1,2% (+2.100 con); đàn gia cầm 7,3 triệu con, tăng 12,1% (+790 nghìn con). Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng 10 tháng đầu năm ước đạt 1.825 tấn, giảm 0,9% so cùng kỳ; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 7.980 tấn, tăng 1,2%; sản lượng thịt gia cầm đạt 11,5 nghìn tấn, tăng 6,5%.

Chăn nuôi lợn tiếp tục gặp khó khăn với dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP); mặc dù hiện nay giá lợn hơi xuất chuồng tăng mạnh (dao động từ 45.000 - 50.000 đồng/kg) nhưng các hộ chăn nuôi vẫn không dám tái đàn vì nguy cơ tái phát dịch rất lớn. Đàn lợn cả tỉnh giảm sâu trên 30% so cùng kỳ năm trước, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 10 tháng ước đạt gần 22,8 nghìn tấn, giảm 14,4%.

Tính đến ngày 14/10/2019, trên địa bàn tỉnh còn 32.277 hộ, 699 thôn, 163 xã/phường (trong đó có 41 xã tái phát dịch trở lại) ở 16 huyện, thị xã, thành phố có bệnh DTLCP chưa qua 30 ngày; tổng số lợn tiêu hủy là 136,5 nghìn con, trọng lượng tiêu hủy trên 8 nghìn tấn. Trong thời gian đến ngành chăn nuôi tiếp tục phối hợp với các địa phương thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh; kiểm tra, thẩm định điều kiện công bố hết dịch tại các địa phương có bệnh DTLCP qua 30 ngày; triển khai tiêm vắc xin phòng bệnh LMLM đợt 2 cho đàn vật nuôi trong mùa mưa lũ sắp đến.

1.2. Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng mới tập trung trong tháng 10 ước đạt 3.100 ha, tăng 3,3% (+100 ha) so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 97 nghìn m³, tăng 7,8% (+7.000 m³); củi khai thác ước đạt 50 nghìn ste, giảm 4,6% (-2.400 ste). Tính chung 10 tháng đầu năm, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 11.840 ha, tăng hơn 3% (+360 ha) so với cùng kỳ năm 2018; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.136 nghìn m³, tăng gần 11% (+111,5 nghìn m³); củi ước đạt 409 nghìn ste, giảm hơn 2% (-8.800 ste).

Diện tích rừng bị thiệt hại là 183 ha, gấp 2,5 lần so cùng kỳ (trong đó: diện tích rừng bị chặt, phá là 18 ha, giảm 17%; diện tích rừng bị cháy là 165,2 ha, tăng hơn 3,2 lần, ước thiệt hại ban đầu trên 12 tỷ đồng).

² Trong đó: diện tích khoai lang giảm 461 ha do diện tích đất canh tác ở một số huyện ven biển ngày càng thu hẹp như: Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Núi Thành, Điện Bàn; Sản giảm 354 ha do diện tích trồng xen với cây lâm nghiệp đã khép tán.

1.3. Thủy sản

Sản lượng khai thác thủy sản tháng 10 ước đạt 6.250 tấn; cộng dồn 10 tháng đầu năm 2019 đạt 84.640 tấn, bằng 93,5% KH năm, tăng 3,6% (+2.940 tấn) so với cùng kỳ năm 2018. Ngư trường khai thác chủ yếu ở vùng lộng, vùng bờ; các đối tượng khai thác chính như: cá đù, cá ngừ, cá nục, cá phù, mực nang, cá thu,...

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 10 tháng đầu năm 2019 đạt trên 8.500 ha, giảm 0,4% (-33 ha) so với cùng kỳ năm 2018, trong đó nuôi cá đạt trên 5.100 ha (+0,5%; +26 ha); nuôi tôm đạt gần 2.700 ha (-2,6%; -71 ha). Tính đến tháng 10 năm 2019, tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 24.920 tấn, tăng 2,5% (+600 tấn) so với cùng kỳ năm 2018, bao gồm: sản lượng cá đạt trên 7.550 tấn (+3,7%; +269 tấn); sản lượng tôm đạt 16.500 tấn (+1,8%; +295 tấn); sản lượng thủy sản khác đạt trên 860 tấn (+4,3%; +36 tấn).

Nuôi cá lồng nước ngọt (cá diêu hồng, lăng nha, trắm cỏ...) có 530 lồng tập trung chủ yếu ở hồ đập thủy lợi và sông nước ngọt (Khe Tân, Sông Tranh II, Sông Kon và trên sông Tam Kỳ). Nuôi cá lồng trên sông nước mặn, lợ (nhóm đối tượng cá hồng, dìa, chêm, mú, bớp,..) có 1.950 lồng tập trung chủ yếu ở Núi Thành và Hội An.

2. Tài chính, ngân hàng

Tổng thu NSNN trên địa bàn ước thực hiện đến cuối tháng 10 đạt 18.750 tỷ đồng, giảm 6,5% so với cùng kỳ năm trước, bằng 81% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 14.550 tỷ đồng (-6%; đạt 78,5 % dự toán); thu xuất nhập khẩu 4.200 tỷ đồng (-8,3%; bằng 91,3% so với dự toán). Trong đó, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 517 tỷ đồng, giảm trên 29% so với cùng kỳ năm trước; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.554 tỷ đồng (+8,7%); thu từ khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 9.065 tỷ đồng (-10,9%); thuế thu nhập cá nhân đạt 640 tỷ đồng (+54,6%); lệ phí trước bạ 402 tỷ đồng (+39,4%); thuế bảo vệ môi trường 513 tỷ đồng (+43,6%); thu tiền sử dụng đất 1.023 tỷ đồng (+13,6%)...

Tổng chi ngân sách địa phương tính đến cuối tháng 10 ước đạt 13.094 tỷ đồng, bằng 48,7% dự toán năm, tăng 01% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển 5.199 tỷ đồng (45,7%; +6%); chi thường xuyên 7.893 tỷ đồng (66,3%; -2,1%).

Hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn tỉnh trong tháng 10 tăng cao, thông qua việc thực hiện tốt công tác huy động vốn, triển khai các chương trình khuyến mãi và lãi suất huy động phù hợp để thu hút người dân gửi tiết kiệm từ nguồn vốn nhàn rỗi. Tổng nguồn vốn huy động ước tính đến cuối tháng 10 đạt gần 56.698 tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 15% so với đầu năm. Dự nợ cho vay ước đến cuối tháng 10 đạt gần 72.063 tỷ đồng, tăng 0,4% so với đầu tháng và tăng 21,2% so với đầu năm; trong đó, tín dụng ngắn hạn tăng 0,12% so với tháng trước, chiếm tỷ trọng gần 50%; tín dụng trung dài hạn tăng 0,74%.

3. Đầu tư và xây dựng

Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 10/2019 ước đạt trên 578 tỷ đồng, tăng gần 1,9% so với

tháng trước, tăng hơn 60% so cùng kỳ. Trong đó vốn đầu tư thuộc cấp tỉnh quản lý ước đạt 319 tỷ đồng (+1,7%; +97%); nguồn vốn đầu tư thuộc cấp huyện quản lý ước thực hiện 239 tỷ đồng (+2%; +21%); nguồn vốn đầu tư thuộc cấp xã quản lý ước thực hiện gần 20 tỷ đồng, tăng 2,8% so với tháng trước.

Tính chung 10 tháng năm 2019, vốn đầu tư thực hiện ước đạt 5.271 tỷ đồng, gần bằng 71% kế hoạch năm, tăng 29,5% so cùng kỳ. Trong đó, vốn đầu tư thuộc cấp tỉnh quản lý ước thực hiện gần 2.827 tỷ đồng (+57%); nguồn vốn cấp huyện quản lý ước thực hiện hơn 2.245 tỷ đồng (+5,4%); nguồn vốn cấp xã quản lý ước thực hiện gần 199 tỷ đồng (+42%).

*** *Tình hình một số dự án trên địa bàn Tỉnh:***

- Một số công trình dự án lớn, trọng điểm trên địa bàn Tỉnh tiếp tục đẩy nhanh tiến độ như: phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An; dự án quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)- Hợp phần nâng cấp cải tạo và bảo trì đường địa phương; dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ĐT, ĐH, các tuyến nối từ đường ven biển (129) đến đường Quốc lộ 1A và đến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; đường trục chính nối cảng Tam Hiệp đến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; phát triển hạ tầng sản xuất giống sâm Ngọc Linh (tuyến đường Tắc Pong - Tắc Ngo); sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) ...

- Một số công trình chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, cụ thể: (1) Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 40B; (2) Đường đến Cửa khẩu Tây Giang (giai đoạn 2); (3) Cải thiện môi trường đô thị Chu Lai, Núi Thành; (4) Hoàn thiện tuyến đường ven biển 129; (5) Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cỏ Cò, thành phố Hội An; (6) Trường THPT Trần Đại Nghĩa; (7) Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu- Điện Bàn; (8) Trường THPT Nguyễn Huệ; (9) Bệnh viện đa khu vực tỉnh Quảng Nam; (10) Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ; (11) Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường khu đô thị Núi Thành; (12) Hồ chứa nước Lộc Đại huyện Quế Sơn; (13) Cảng cá Tam Quang; (14) Kho lưu trữ Tỉnh; (15) Đường điện 110KV lên Nam Trà My.

*** *Tình hình giải ngân nguồn vốn NSNN:***

Công tác giải ngân vốn đầu tư công hiện nay vẫn còn chậm, do đó ngày 29/8/2019 UBND tỉnh ban hành công văn 5116/UBND-KTTH yêu cầu tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019. Theo số liệu Kho bạc, tính đến 30/9/2019 các dự án thuộc nguồn vốn do địa phương quản lý đã giải ngân đạt 35,5% kế hoạch. Cụ thể:

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương (bao gồm cả vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) giải ngân đạt 36,2% kế hoạch. Trong đó: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương tỉnh quản lý giải ngân đạt 21%; cấp huyện quản lý giải ngân đạt 45,7%; cấp xã quản lý giải ngân đạt 79,2%.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương giải ngân đạt 35,2%. Trong đó: Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu quốc gia giải ngân 44,7% kế hoạch (chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 44,7%, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 44,6%); vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu giải ngân đạt 63,4% kế hoạch; vốn trái phiếu chính phủ đã giải ngân 96,5%; vốn nước ngoài giải ngân chậm 8%; vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao giải ngân 43,5%.

4. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tháng 10/2019 ước tính tăng gần 20% so tháng trước và tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể tăng/giảm từng ngành tương ứng: ngành khai khoáng (-5,4%; -3%); ngành chế biến, chế tạo (+19,7% ; +13,9%); ngành sản xuất và phân phối điện (+31,1%; +69,4%); cung cấp nước và xử lý rác thải (+2,9%; +2,8%).

Tính chung 10 tháng năm 2019, IIP tăng 3,7% so cùng kỳ năm trước, trong đó tăng ở ba nhóm ngành: công nghiệp khai khoáng (+36,7%); ngành cung cấp nước và xử lý rác thải (+25,6%); công nghiệp chế biến - chế tạo (+4,3%). Ngành sản xuất và phân phối điện có xu hướng tăng trở lại nhưng vẫn còn giảm 13,5% so với cùng kỳ. Một số ngành có tốc độ tăng cao như: dệt (+28%), sản xuất trang phục (+18,7%); khai thác than cứng và than non (+16,3%); chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (+14,9%); sản xuất đồ uống (+12,4%); khai thác, xử lý và cung cấp nước (+8,6%).

Một số sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 10 và 10 tháng có tốc độ tăng cao so với cùng kỳ: than đá (than cứng) loại khác (+8,4%; +16,3%); bao và túi dùng để đóng gói hàng (+21%, +28%); quần áo nghề nghiệp (+18,3%, +10,7%); bộ com-lê, quần áo đồng bộ...(+26,6%, +19,2%); vỏ bảo, dăm gỗ (+26%, +38,8%); Xe du lịch KIA/MAZDA (+7,9%, +2,8%).

Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp cộng dồn đến cuối tháng 10 ước tính tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó lao động khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 7,5% và khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 2,9%, trong khi đó khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng không đáng kể. Chỉ số sử dụng lao động trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng (-2,2%), ngành chế biến, chế tạo (+3,1%), ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải (+6,3%); ngành sản xuất và phân phối điện (+7,6%), ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải (+6,3%).

5. Thương mại, dịch vụ

5.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10 ước đạt trên 4,6 nghìn tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng trước và tăng trên 13% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt gần 3,4 nghìn tỷ đồng, tăng 3,1% so với tháng trước và tăng 17,4% so với cùng kỳ; khách sạn,

nhà hàng đạt 950 tỷ đồng (+0,7%; +2,8%); du lịch lữ hành đạt gần 47 tỷ đồng (-20,3%; +1,8%); dịch vụ khác đạt 255 tỷ đồng (+1,8%; +3,3%).

Tính chung 10 tháng 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt trên 45 nghìn tỷ đồng, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2018. Chia theo loại hình kinh tế: kinh tế Nhà nước đạt gần 411 tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và giảm 12,6% so với cùng kỳ; Kinh tế ngoài Nhà nước đạt gần 44 nghìn tỷ đồng (chiếm trên 97%; +13,3%); Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 899 tỷ đồng (chiếm 2%; -0,9%). Xét theo ngành hoạt động: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 32,4 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 72% tổng mức và tăng 15% so với cùng kỳ năm trước; khách sạn, nhà hàng đạt 9,4 nghìn tỷ đồng (chiếm 21%; +7,3%); du lịch lữ hành đạt 536 tỷ đồng (chiếm 1,2%; +7,4%); dịch vụ khác đạt trên 2,7 nghìn tỷ đồng (chiếm 6%; +6,4%).

Doanh thu bán lẻ hàng hóa 10 tháng năm 2019 tăng khá cao (tăng gần 15%). Một số ngành hàng có doanh thu tăng cao so với cùng kỳ: vật phẩm văn hóa, giáo dục (+83%); phương tiện đi lại (trừ ô tô, phụ tùng +22,6%); hàng may mặc (+22%); lương thực, thực phẩm (+13%); kim loại quý (+12%); ô tô các loại (+11%)...

5.2. Hoạt động Du lịch

Hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong tháng 10 khá trầm lắng do thời tiết mưa nhiều; mặt khác lại là tháng không phải mùa của những lễ hội đặc sắc nên lượng du khách đến tham quan, vui chơi giảm, dự tính kết quả hoạt động kinh doanh du lịch trong tháng giảm so với tháng trước.

Tổng lượt khách lưu trú trên địa bàn Tỉnh do các cơ sở lưu trú phục vụ trong tháng 10 ước đạt hơn 232 nghìn lượt khách, giảm 9,5% so tháng trước; trong đó khách quốc tế đạt hơn 108 nghìn lượt (-9,8%), khách trong nước đạt 124 nghìn lượt (-9,3%). Tổng lượt khách tham quan do các đơn vị lữ hành phục vụ ước đạt gần 266 nghìn lượt, giảm 11,2% so tháng trước, so cùng kỳ tăng 8,7%; trong đó khách quốc tế ước đạt gần 124 nghìn lượt (-14,6%; -1,2%); khách du lịch trong nước ước đạt 142 nghìn lượt (-7,8%; +18,8%).

Tính chung 10 tháng năm 2019, tổng lượt khách lưu trú trên địa bàn Tỉnh do các cơ sở lưu trú phục vụ đạt hơn 3 triệu lượt khách (+2,7%) so với cùng kỳ năm 2018, riêng khách lưu trú qua đêm đạt trên 2 triệu lượt (+9,9%). Trong tổng lượt khách lưu trú, khách quốc tế đạt gần 1,4 triệu lượt (+10,4%); khách du lịch trong nước đạt trên 1,6 triệu lượt (-3,1%); khách ngủ qua đêm tăng 8,9% so cùng kỳ. Tổng lượt khách tham quan do các đơn vị lữ hành phục vụ đạt 2,8 triệu lượt, tăng trên 13%, trong đó khách quốc tế đạt 1,6 triệu lượt (+4,6%); khách du lịch trong nước đạt 1,2 triệu lượt, tăng 26,3% so 10 tháng đầu năm 2018.

Doanh thu dịch vụ lưu trú tháng 10 ước đạt 237 tỷ đồng, tăng 3,5% so với tháng trước, doanh thu tăng do thời gian lưu trú bình quân 01 lượt khách tăng³; doanh thu từ dịch vụ ăn uống ước đạt hơn 712 tỷ đồng, giảm 0,14% so với tháng

³ Thời gian lưu trú bình quân 01 lượt khách trong tháng 09/2019 là 2,2 ngày/lượt; tháng 10/2019 là 2,4 ngày/lượt

trước và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,8%; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt gần 47 tỷ đồng (-20,3%; +1,8%). Tính chung 10 tháng năm 2019, doanh thu đạt được từ dịch vụ du lịch tăng khá, doanh thu dịch vụ lưu trú tăng 7,5%, ước đạt 2.474 tỷ đồng; doanh thu từ dịch vụ ăn uống tăng 7,3%, ước đạt gần 6.928 tỷ đồng; doanh thu từ du lịch lữ hành tăng 7,4%, ước đạt hơn 536 tỷ đồng.

5.3. Hoạt động dịch vụ

Hoạt động dịch vụ tháng 10 tiếp tục tăng so với tháng trước và tăng chủ yếu từ các nhóm dịch vụ giáo dục, y tế, dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ. Nguyên nhân do vào năm học nhu cầu học thêm, đào tạo nghề, chuẩn bị tài liệu học tập tăng cao; thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân.

Doanh thu dịch vụ tháng 10 ước đạt 255 tỷ đồng, tăng 1,8% so tháng trước và tăng 3,3% so cùng kỳ; trong đó dịch vụ giáo dục đạt 16 tỷ đồng (+6,4%); dịch vụ y tế đạt 53 tỷ đồng (+4,6%); dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ đạt gần 29 tỷ đồng (+3,7%).

Cộng dồn 10 tháng đầu năm 2019, doanh thu dịch vụ ước đạt 2,7 nghìn tỷ đồng, tăng 6,4% so 10 tháng đầu năm 2018 và tăng cao từ các nhóm dịch vụ liên quan tới chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần của người tiêu dùng như: dịch vụ y tế (+10,2%); dịch vụ hành chính và hỗ trợ (+9,9%); dịch vụ giáo dục (+8,3%); dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí (+6,7%).

5.4. Hoạt động vận tải, kho bãi

Tổng doanh thu ngành vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 10 ước tính đạt gần 348 tỷ đồng, tăng 11,3% so với tháng cùng kỳ năm 2018. Trong đó: vận tải hành khách ước đạt 70 tỷ đồng (+17,4%); vận tải hàng hóa ước đạt trên 224 tỷ đồng (+10%); hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 53,6 tỷ đồng (+8,4%).

Tính chung 10 tháng năm 2019, tổng doanh thu ngành vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt trên 3,5 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 13% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó: vận tải hành khách ước đạt 679 tỷ đồng (+15,5%); vận tải hàng hóa ước đạt trên 2,3 nghìn tỷ đồng (+12,8%); hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 544 tỷ đồng (+10,8%).

- Vận tải hàng hóa: trong tháng 10, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt gần 1,5 triệu tấn, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt gần 148 triệu tấn.km (-0,2%). Tính chung 10 tháng năm 2019, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 15,4 triệu tấn, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2018; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 1.555 triệu tấn.km, tăng 12%.

- Vận tải hành khách: số lượt hành khách vận chuyển trong tháng ước đạt hơn 1,7 triệu hành khách, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển đạt 132,3 triệu hành khách.km (+16,5%). Lũy kế từ đầu năm, số lượt hành khách vận chuyển đạt trên 18 triệu hành khách, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển đạt 1.334 triệu hành khách.km (+20,4%).

6. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

CPI trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong tháng 10/2019 tăng 0,31% so với tháng trước (trong đó khu vực thành thị tăng 0,35%; nông thôn tăng 0,3%); so với cùng kỳ năm trước CPI tăng 2,76% và tăng 3,32% so với tháng 12 năm trước; CPI bình quân 10 tháng năm 2019 so với bình quân cùng kỳ tăng 2,48%.

Một số nguyên nhân chính làm tăng CPI trong tháng 10 này là do: (1) Giá thịt lợn quay đầu tăng trở lại do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi khiến nguồn cung hạn hẹp, thịt lợn tăng 4,98% so với tháng trước, góp phần làm CPI chung tăng 0,2%; (2) Giá xăng, dầu được điều chỉnh 2 lần trong tháng (01/10/2019 và 16/10/2019) làm cho chỉ số nhóm xăng, dầu tăng 2,21% so với tháng 09/2019, góp phần làm CPI chung tăng 0,1%; (3) Chỉ số giá gas tăng 7,7% so với tháng trước (tương ứng: +24.000 đồng/bình 12 kg), làm CPI chung tăng 0,08%.

So với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 7 nhóm tăng giá: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,48%); Đồ uống và thuốc lá (+0,05%); Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,14%); Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,04%); Giao thông (+1,08%); Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,02%); Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,06%). Có 01 nhóm giảm giá: May mặc, mũ nón, giày dép (-0,06%). Riêng 3 nhóm: Bưu chính viễn thông; Thuốc và dịch vụ y tế; Giáo dục trong tháng ổn định.

Chỉ số giá vàng tháng 10/2019 giảm 0,68% so với tháng trước do ảnh hưởng chung của giá vàng thế giới giảm; so với tháng 12 năm trước chỉ số này tăng 18,71% và bình quân cùng kỳ tăng 6,58%. Đồng đô la Mỹ trong tháng 10/2019 giảm 0,01% so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước giảm 0,41%; bình quân cùng kỳ giảm 1,37%. Tính bình quân giá 1 đô la Mỹ trong tháng quy đổi được 23.262 đồng Việt Nam.

7. Các vấn đề xã hội

7.1. Giáo dục

Trong tháng 10, công tác tuyển sinh và chuẩn bị khai giảng một số trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp năm 2019 – 2020 như sau:

- Ngày 15/10/2019 Trường Đại học Quảng Nam khai giảng năm học mới 2019 - 2020. Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Nam khai giảng năm học 2019 - 2020 vào ngày 10/10/2019, năm nay nhà trường đã tuyển được hơn 700 học sinh, sinh viên, một con số khá cao trong tình hình tuyển sinh khó khăn chung của cả nước, nhất là với hệ thống các trường nghề;

- Ngày 3/10/2019, Trường Trung cấp nghề Bắc Quảng Nam (thị xã Điện Bàn) đã tổ chức lễ khai giảng năm học 2019 – 2020; đào tạo 640 học sinh trung cấp, trong đó có 312 học sinh khóa mới (đạt 104% chỉ tiêu giao). Học sinh theo học các ngành nghề công nghệ ô tô, nghiệp vụ nhà hàng, quản trị khách sạn, kỹ thuật chế biến món ăn, điện công nghiệp. Trong năm học qua, ngoài việc đào tạo học sinh bậc nghề trung cấp, nhà trường liên tục phối hợp với các địa phương tuyển sinh, đào tạo lao động các nghề sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng được 287 người; 62 học sinh tốt nghiệp ra trường trong năm học qua đã được giới thiệu

việc làm đến các doanh nghiệp, nhà hàng, khách sạn, gara ô tô trong và ngoài tỉnh ở các nghề như kỹ thuật chế biến món ăn, nghiệp vụ nhà hàng, may thời trang, may công nghiệp...

Hiện nay các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh đang tiếp tục tuyển sinh và hoàn thành thủ tục nhập học cho sinh viên vào năm học mới.

7.2. Văn hóa, thể dục, thể thao

*** Hoạt động văn hóa:**

Phối hợp với Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ tổ chức trưng bày chuyên đề “Huyền thoại đội quân tóc dài”; tổ chức sưu tầm hiện vật về các Mẹ Việt Nam Anh hùng tại huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả sưu tầm được 12 hiện vật, nâng tổng số hình ảnh, hiện vật tư liệu tại Ban Quản lý Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng là 946 hiện vật, 1.340 ảnh, 73 tư liệu; đón tiếp, phục vụ gần 13.000 lượt khách (khoảng 350 lượt khách quốc tế) đến viếng hương, tham quan tại Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng.

Tổ chức 01 buổi biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp tại huyện Bắc Trà My và xây dựng 08 chương trình nghệ thuật dân gian và tổ chức hội Bài chòi phụ vụ các Sở, Ban, Ngành trong tỉnh. Tổ chức 05 buổi chiếu phim, phục vụ 2.430 lượt người xem.

Tổ chức trưng bày sách kỷ niệm 74 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 và Chủ quyền biển đảo Việt Nam; phục vụ xe Thư viện lưu động đa phương tiện tại Trường THPT Dân tộc nội trú và THPT Âu Cơ huyện Đông Giang. Phục vụ 2.000 lượt bạn đọc, luân chuyển 1.100 bản sách về các Thư viện, bổ sung 300 bản sách mới.

Phát hành Tạp chí Văn hóa Quảng Nam số 168 với 400 bản báo đến 63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc; các Sở, Ban, Ngành, địa phương trong Tỉnh. Xây dựng và phát sóng 02 chương trình về chuyên mục “Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Nam” trên sóng Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Nam với 08 tin và 04 phóng sự tập trung phản ánh nhiều hoạt động của Ngành từ tỉnh đến cơ sở.

*** Hoạt động thể dục, thể thao:**

Từ ngày 04-06/10/2019, tại Nhà thi đấu TD-TT tỉnh diễn ra giải Cầu lông các câu lạc bộ tỉnh lần thứ XIV tranh cúp Prokennex lần thứ I năm 2019. Tham gia tranh tài tại giải lần này có 380 vận động viên đến từ 27 câu lạc bộ với 8 nhóm tuổi, thi đấu các nội dung đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam - nữ. Giải có tổng cộng 322 trận đấu, diễn ra liên tục trong 3 ngày, đêm. Kết quả thi đấu: 7 huy chương vàng, 3 huy chương bạc, 4 huy chương đồng, CLB Phan Châu Trinh (Tam Kỳ) giành cúp vô địch toàn đoàn, xếp thứ nhì toàn đoàn là CLB Công an tỉnh và CLB Sông Thu (Điện Bàn) xếp thứ ba.

Từ ngày 14-17/10/2019, trên địa bàn Tỉnh diễn ra sự kiện thể thao Raid Amazones do Tổng cục Du lịch phối hợp với Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam tổ chức, có hơn 300 vận động viên tham gia với các nội dung thi đấu như chạy bộ, đua xe đạp địa hình, đua thuyền kayak kết hợp khám phá lịch sử, văn hóa, cuộc

sống của người dân địa phương tại các huyện Duy Xuyên, Thăng Bình, Nông Sơn, Phú Ninh và TP.Hội An.

Tham gia giải thể thao người khuyết tật toàn quốc tại tỉnh Thái Nguyên, kết quả đạt: 01 HCV; 03 HCB; 05 HCD; vô địch Karatee quốc gia lần thứ XXIX tại tỉnh Ninh Bình đạt 01 HCV, 03 HCB, 03 HCD; giải vô địch Taeekwondo quốc gia tại thành phố Đà Nẵng đạt 02 HCV, 01 HCB, 02 HCD.

Trong vòng giải V-League, đội bóng Quảng Nam đã thi đấu 24 trận, trong đó thắng 8 trận, đạt 33 điểm và xếp vị thứ 06 trong bảng xếp hạng.

7.3. Công tác y tế, phòng chống dịch bệnh

Trong tháng toàn Tỉnh đã phát hiện 1.403 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết Dengue; 183 trường hợp mắc bệnh tay, chân, miệng; 06 trường hợp sốt rét; 77 trường hợp bệnh lao phổi; 60 trường hợp mắc bệnh thủy đậu; 01 trường hợp virút viêm gan B; 1.002 trường hợp mắc bệnh tiêu chảy; 59 trường hợp mắc bệnh quai bị...

Như vậy, tính từ đầu năm đến nay, toàn Tỉnh phát hiện 3.879 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết Dengue; 800 trường hợp mắc bệnh tay, chân, miệng; 18 trường hợp sốt rét; 652 trường hợp bệnh lao phổi; 807 trường hợp mắc bệnh thủy đậu; 36 trường hợp virút viêm gan B; 6.684 trường hợp mắc bệnh tiêu chảy; 595 trường hợp mắc bệnh quai bị.

Để đảm bảo sức khỏe cho nhân dân về an toàn thực phẩm phòng chống các dịch bệnh như dịch tả, ngộ độc thức ăn, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh đã chỉ đạo tuyến huyện, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra các cơ sở kinh doanh, phục vụ ăn uống và sản xuất chế biến thực phẩm. Đồng thời đẩy mạnh việc tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng ngừa ngộ độc thức ăn, phòng chống dịch bệnh.

7.4. An toàn giao thông

Theo số liệu của Phòng Cảnh sát Giao thông Quảng Nam, trong tháng 10/2019 (từ ngày 16/9 - 15/10), trên địa bàn Tỉnh xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 08 người, bị thương 09 người. Tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy không xảy ra. So với tháng trước số vụ tai nạn giao thông đường bộ giảm 04 vụ, số người chết giảm 06 người, số người bị thương giảm 04 người. Như vậy, tính đến 15/10/2019 (từ ngày 16/12/2018 - 15/10/2019) trên địa bàn Tỉnh đã xảy ra 188 vụ tai nạn giao thông (đường bộ: 183 vụ, đường sắt: 05 vụ), làm chết 147 người (đường bộ: 143 người, đường sắt: 04 người), bị thương 103 người (đường bộ: 102 người, đường sắt: 01 người); so với cùng kỳ năm trước số vụ tai nạn giao thông giảm 01 vụ, giảm 11 người chết và giảm 13 người bị thương.

7.5. Tình hình xử lý môi trường, cháy nổ, thiên tai

Theo số liệu Phòng Cảnh sát Môi trường tỉnh Quảng Nam, trong tháng Mười phát hiện 09 trường hợp và xử lý 12 trường hợp vi phạm luật về bảo vệ môi trường, đã lập biên bản xử phạt hành chính với tổng số tiền xử phạt 361 triệu đồng. Như vậy tính từ đầu năm đến nay, toàn Tỉnh đã phát hiện 85 trường

hợp vi phạm, lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính 84 trường hợp với tổng số tiền xử phạt trên 2,3 tỷ đồng.

Theo số liệu phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Quảng Nam, trong tháng 10 xảy ra 02 vụ cháy; trong đó: 01 vụ cháy do phá dỡ đốt nhà hàng chòi lá ở thành phố Hội An, cháy sang nhà bên với thiệt hại không đáng kể; 01 vụ cháy xe ở xã Phước Mỹ huyện Phước Sơn, ước giá trị thiệt hại 1,3 tỷ đồng; không có vụ nổ nào xảy ra. Tính từ đầu năm đến nay, trên địa bàn Tỉnh đã xảy ra 19 vụ cháy, làm 01 người chết, không có người bị thương, ước tổng mức thiệt hại trên 9,7 tỷ đồng.

Nhìn chung, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2019 đạt được một số kết quả nhất định. Các hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra sôi nổi, an sinh xã hội được đảm bảo, an ninh - quốc phòng được tăng cường. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gặp không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp, dịch tả lợn Châu Phi chưa được khống chế; tình hình sản xuất công nghiệp tăng trưởng vẫn còn chậm, tiến độ giải ngân vốn đầu tư chưa đạt yêu cầu; tình trạng nợ đọng thuế vẫn còn xảy ra./.

Nơi nhận:

- Vụ Tổng hợp - TCTK (b/c);
- VPTU, VP UBND, Đoàn ĐBQH, Sở KH&ĐT, NHNN, STC;
- TTTL&DVTK;
- Lãnh đạo Cục (3b);
- Lưu VT, TH (2).

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Lê Quý Đạt